

Bản án số: 186/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 26/9/2025.

Về việc: “Tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn An**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dũng

Ông Giang Thành

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Mộng Trinh** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 – An Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 – An Giang tham gia phiên tòa:* Không.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 – An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 62/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2025 về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Quỳnh T**, sinh năm 2000. Địa chỉ: ấp Thuận An, xã BS, tỉnh AG (Vắng mặt – Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Thanh Q**, sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp Vàm Biên, xã HĐ, AG (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Quỳnh T trình bày như sau:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Quỳnh T và anh Nguyễn Thanh Q tự tìm hiểu, yêu thương nhau sau đó được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào ngày 01/11/2023. Sau đó anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Linh Huỳnh, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang vào ngày 22/11/2023. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng từ cuối năm 2024 cho đến nay giữa vợ chồng

bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Q ham chơi, không lo lắng làm ăn, thậm chí anh Q còn sử dụng ma túy. Chị T và gia đình hai bên nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh Q không thay đổi. Mâu thuẫn quá trầm trọng nên chị T đã về nhà cha mẹ ruột sống và ly thân với anh Q hơn hai tháng nay.

Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và cũng không thể hàn gắn được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Q.

- *Về con chung*: Chị T xác định chị và anh Q có 01 người con chung tên Nguyễn Quỳnh Nghi, sinh ngày 02/8/2024 hiện đang sống cùng chị T. Ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành vì cháu còn nhỏ. Chị T không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị T xác định chị và anh Q không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*** *Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Thanh Q trình bày như sau:***

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Thanh Q và chị Trần Quỳnh T cưới nhau vào năm 2023 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Linh Huỳnh, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang vào ngày 22/11/2023 là đúng. Quá trình chung sống với nhau giữa anh chị cũng có phát sinh mâu thuẫn nhưng không lớn. Cuối năm 2024 chị T xin phép về nhà cha mẹ ruột chơi, sau đó ở lại chăm sóc mẹ vợ bị bệnh cho đến nay mà không chịu về nhà, mặc dù anh có đến đón nhiều lần và vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý vì không thể hàn gắn được.

- *Về con chung*: Anh Q xác định anh và chị T có 01 người con chung tên Nguyễn Quỳnh Nghi, sinh ngày 02/8/2024 hiện đang sống cùng chị T. Ly hôn anh Q đồng ý giao cháu Nghi cho chị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh Q xác định anh và chị T không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*** *Tại phiên tòa:***

- *Bị đơn anh Nguyễn Thanh Q trình bày*: Anh đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị Trần Quỳnh T. Về con chung anh Q đồng ý giao cháu Nguyễn Quỳnh Nghi cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có và không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Theo nội dung đơn khởi kiện chị Trần Quỳnh T yêu cầu được ly hôn và nuôi con với anh Nguyễn Thanh Q. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn anh Nguyễn Thanh Q có nơi cư trú tại ấp Linh Huỳnh, xã Hòn Đất, tỉnh An Giang nên

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Trần Quỳnh T vắng mặt nhưng có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết (HĐXX) định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án*:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, HĐXX có cơ sở xác định: Chị Trần Quỳnh T và anh Nguyễn Thanh Q tự tìm hiểu, yêu thương nhau, sau đó tiến đến hôn nhân, được hai bên gia đình thống nhất tổ chức lễ cưới vào ngày 01/11/2023. Sau đó anh chị có thực hiện việc đăng ký kết hôn và được UBND xã Linh Huỳnh, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (nay là UBND xã Hòn Đất, tỉnh An Giang) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/11/2023. Như vậy, hôn nhân giữa chị T và anh Q là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Theo đơn khởi kiện chị Trần Quỳnh T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Q. Tại phiên tòa anh Q cũng đồng ý với yêu cầu của chị Trần Quỳnh T. Do đó căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Quỳnh T và anh Nguyễn Thanh Q.

[3.2] *Về quan hệ con chung*: Quá trình chung sống chị T xác định anh chị có 01 người con chung tên Nguyễn Quỳnh Nghi, sinh ngày 02/8/2024. Ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành. Tại phiên tòa anh Q đồng ý giao con cháu Nghi cho chị T nuôi dưỡng. Do đó HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của anh Q, giao cháu Nguyễn Quỳnh Nghi, sinh ngày 02/8/2024 cho chị Trần Quỳnh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Quỳnh T không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

[3.3] *Về quan hệ tài sản chung*: Chị Trần Quỳnh T và anh Q xác định anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] *Về án phí*: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị Trần Quỳnh T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Quỳnh T và anh Nguyễn Thanh Q thuận tình ly hôn.

2. Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị Trần Quỳnh T và anh Nguyễn Thanh Q. Giao cháu Nguyễn Quỳnh Nghi, sinh ngày 02/8/2024 cho chị Trần Quỳnh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Quỳnh T không yêu cầu nên HĐXX không giải quyết.

- Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Trong thời gian chị Trần Quỳnh T nuôi con; anh Nguyễn Thanh Q được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Quỳnh T và anh Nguyễn Thanh Q xác định anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Trần Quỳnh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018162 ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Như vậy, chị Trần Quỳnh T không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án theo hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a,

Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 4 – An Giang;
- Phòng THA khu vực 4 – An Giang;
- UBND xã Hòn Đất, tỉnh An Giang;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Văn An